

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DẠY NGOẠI NGỮ CHO TRẺ: THỜI ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP

HUỲNH THỊ BÍCH VÂN^(*)

Trong bối cảnh hiện nay, việc dạy-học ngoại ngữ cho trẻ em đang được quan tâm hơn bao giờ hết. Nhiều phụ huynh có xu hướng muốn cho trẻ tiếp cận sớm với ngoại ngữ. Tuy nhiên, vấn đề khiến các bậc phụ huynh băn khoăn là điều đó có thực sự cần thiết và phù hợp hay không. Học ngoại ngữ sớm có ảnh hưởng hay không đến khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ? Và với đối tượng là trẻ em, dạy học ngoại ngữ theo phương pháp nào là tốt nhất? Hiện nay các trung tâm ngoại ngữ được thành lập ngày càng nhiều, với các khoá học đa dạng, đặc biệt là các khoá học ngoại ngữ cho trẻ em. Trong khi đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo lại không đồng ý với việc giảng dạy tiếng Anh ở bậc mầm non, điều đó đã khiến nhiều phụ huynh băn khoăn.

Với tư cách là người công tác ở một trung tâm ngoại ngữ, nơi có khoảng một nghìn học viên theo học chương trình ngoại ngữ dành cho thiếu nhi, đứng trên lập trường chuyên môn và cả ở cương vị của một phụ huynh, chúng tôi mong góp một số ý kiến nhỏ giải tỏa phần nào những thắc mắc này, từ việc phân tích cái lợi, và cả nguy cơ có thể gặp phải khi cho trẻ học ngoại ngữ sớm. Ở đây, chúng tôi tập trung vào một ngoại ngữ được cho

là sự lựa chọn phổ biến hiện nay của các bậc phụ huynh cho trẻ, đó là tiếng Anh.

1. Độ tuổi thuận lợi để thụ đắc tốt ngôn ngữ thứ hai

Một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng suốt quá trình học ngoại ngữ là yếu tố tuổi tác. Chavez khẳng định tùy từng cá nhân, hoàn cảnh và điều kiện học tập mà độ tuổi tốt nhất để bắt đầu học ngoại ngữ cũng khác nhau. Tuy nhiên, theo ông, nếu bắt đầu học khi còn trẻ, đặc biệt là trước tuổi dậy thì, và nếu được học với người bản ngữ thì đứa trẻ nói được ngoại ngữ đó tự nhiên theo ngữ điệu của người bản ngữ (J. Chavez, 2006). Rod Ellis cũng từng đề cập đến độ tuổi thích hợp để trẻ học tốt ngôn ngữ thứ hai. Ông có nhận định đáng lưu ý là nếu trẻ được tiếp xúc với phát âm chuẩn, độ tuổi mà trẻ có thể đạt được phát âm giống như người bản ngữ là 6 tuổi. Ngoài độ tuổi dậy thì (khoảng 9 tuổi trở lên) thì trẻ khó có thể có được chất giọng giống người bản ngữ thực sự (Rod Ellis, 1994).

Cùng thống nhất ý kiến với Ellis, William Littlewood cho rằng rõ ràng trẻ em học ngoại ngữ tốt hơn người lớn,

^(*) ThS., Giám đốc trung tâm Ngoại ngữ-Tin học Victory, trường Đại học Trà Vinh.

nhất là trong những tình huống học tự nhiên vì đầu óc của chúng đơn giản hơn, tập trung hơn vào cái diễn ra ngay trước mắt, chúng phát ra lời nói đơn giản hơn, liên quan đến những vấn đề cụ thể, vì vậy dễ hiểu hơn; trong khi đó người lớn lại kỳ vọng hiểu những lời nói phức tạp hơn và kém cụ thể. Lý giải điều này, ông còn dùng khái niệm “thời điểm then chốt”/ “thời điểm vàng” (critical period), giai đoạn mà não rất linh hoạt và việc học ngôn ngữ có thể diễn ra một cách tự nhiên, dễ dàng và hầu như chắc chắn nhất dẫn đến lưu loát gần bằng hoặc bằng với người bản ngữ. Thời kỳ này kết thúc ở lứa tuổi dậy thì, khi đó người lớn không còn khả năng học tự nhiên nữa, việc học trở thành quá trình nhân tạo, khó nhọc (William Littlewood, 1984).

Tổng hợp nhận định của nhiều nhà ngôn ngữ học nổi tiếng trên thế giới về vấn đề thụ đắc ngôn ngữ của trẻ em, Beverly A. Clark cũng có những luận cứ để khẳng định rằng trẻ em không thể thụ đắc được ngôn ngữ nếu chúng không được tiếp cận ngôn ngữ đó trước 6-7 tuổi (Beverly A. Clark, 2000).

Việc học để thụ đắc một ngoại ngữ được xem là một kỹ năng, và còn là một thử thách lớn, một “cuộc chiến lâu dài gian khổ” đối với nhiều người. Mặc dù có một số người học dễ và nhanh hơn người khác. Điều này không có gì ngạc nhiên vì ngay việc thụ đắc tiếng mẹ đẻ cũng vậy: tốc độ học tập và khả năng sử dụng ngôn ngữ cũng khác nhau giữa người này với người khác.

Vậy ở Việt Nam, thời điểm nào là thích hợp nhất để trẻ bắt đầu tiếp cận, làm quen với ngoại ngữ, cụ thể là tiếng Anh? Ở những quốc gia nói tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (Philippines, Singapore, Malaysia...) thì việc trẻ em bắt đầu học song song tiếng Anh cùng

tiếng mẹ đẻ là điều không cần bàn cãi và lo lắng. Còn ở Việt Nam hiện nay, tiếng Anh chưa phải là ngôn ngữ thứ hai, nghĩa là môi trường sử dụng ngôn ngữ này còn hạn chế, thì phụ huynh cần cân nhắc xem điều kiện gia đình có phù hợp để cho trẻ học tiếng Anh sớm hay không. Ví dụ: Trẻ có được tiếp cận thường xuyên với môi trường sử dụng tiếng Anh không? Trong gia đình có người nói tiếng Anh chuẩn hay không? Trẻ đang/sẽ học ở trường quốc tế - nơi tiếng Anh được dùng để dạy học hay không? Trẻ có thể được học ở các cơ sở đào tạo ngoại ngữ với giáo viên bản ngữ hay không?... Nếu các điều kiện có thể đáp ứng được, phụ huynh có thể cho trẻ bắt đầu tiếp cận tiếng Anh sớm để tận dụng hết ưu thế khi được tiếp xúc với ngoại ngữ sớm. Hội đủ điều kiện về giáo viên đạt chuẩn, môi trường thực hành ngôn ngữ, mật độ tiếp xúc ngôn ngữ thường xuyên (trên truyền hình hoặc internet, băng đĩa bằng ngoại ngữ...) thì không có lý do gì trì hoãn việc cho trẻ học ngoại ngữ càng sớm càng tốt. Phụ huynh không cần lo lắng việc học ngoại ngữ có thể làm rối loạn tiếng mẹ đẻ hay không, vì trẻ tiếp xúc tiếng mẹ đẻ hàng ngày, trẻ có khả năng phân biệt đâu là tiếng mẹ đẻ và đâu là ngoại ngữ.

Cho trẻ học ngoại ngữ càng sớm càng có lợi thế. Tuy nhiên, điều này chỉ nên thực hiện khi các điều kiện được đáp ứng đầy đủ, còn nếu chưa thì không nên nôn nóng cho trẻ học ngoại ngữ quá sớm, vì sẽ lợi bất cập hại. Theo quan điểm của chúng tôi, thà học trễ còn hơn học không chất lượng. Những ghi nhớ ban đầu của trẻ rất quan trọng, một khi các em đã ghi nhớ sai thì rất khó để chỉnh sửa. Bởi vậy, trẻ là đội khi trẻ đã thành thạo tiếng mẹ đẻ, rồi mới cho trẻ học ngoại ngữ.

Như vậy, nếu có đủ điều kiện, nên cho trẻ bắt đầu học ngoại ngữ càng sớm càng có nhiều cơ hội nói ngôn ngữ đó tự nhiên hơn và phát âm giống người bản ngữ hơn. Vấn đề tiếp theo chỉ là học với ai, học như thế nào cho đúng phương pháp.

2. Lợi thế khi trẻ được tiếp cận sớm với ngoại ngữ

Trẻ em có một khả năng đặc biệt trong học ngôn ngữ thông qua tự khám phá, tự nhận thức. Trẻ hình thành một ngôn ngữ qua quá trình tiếp nhận, học tập, sáng tạo, khám phá và thử nghiệm nhờ năng lực ngôn ngữ bẩm sinh. Các em bắt chước và lặp lại theo lời người lớn, tự ghép nối theo những “quy tắc” các em cảm nhận được khi nghe những người xung quanh nói và được điều chỉnh, rút kinh nghiệm theo sự chỉ bảo của người lớn cho đúng với tình huống sử dụng... Tất cả những đặc điểm này đều có thể áp dụng vào việc dạy cho trẻ thụ đắc ngoại ngữ. Việc áp dụng này đối với đối tượng học là trẻ em thì mới có hiệu quả, do đó cần cho trẻ em tiếp cận ngoại ngữ càng sớm càng tốt.

Một nghiên cứu mới đây đã chỉ ra rằng, trẻ em biết song ngữ có nhiều cơ hội thành công trong việc học hơn, tự tin hơn và nhạy bén về văn hóa hơn trong suốt cuộc đời. Có 5 lợi ích của việc học ngoại ngữ sớm, đó là: nắm bắt được giai đoạn vàng để học ngôn ngữ thuận lợi (từ nhỏ đến 10-12 tuổi); tạo điều kiện phát triển kỹ năng tư duy, nhận thức; rèn luyện sự tự tin; được phú một khả năng hiểu biết, hội nhập văn hóa tốt; được tạo ra một thế giới những cơ hội (muốn nói về khả năng nghề nghiệp). Thêm nữa, não của đứa trẻ vẫn đang phát triển khả năng ngôn ngữ nên nó sẽ tự tạo ra thêm “khoảng trống” để chứa ngôn ngữ thứ hai nếu nó được học. Việc học ngôn ngữ thứ hai sau giai đoạn này vẫn có thể diễn ra, nhưng “khoảng trống” mới

phải được tạo ra để chứa kỹ năng mới. Việc học ngoại ngữ sớm giống như việc xây phòng cho căn nhà đang trong giai đoạn thi công, sẽ thuận lợi hơn là xây thêm phòng khi căn nhà đã hoàn chỉnh (April Scarlett, 2010).

Từ góc độ tâm lý học, một nghiên cứu khác cũng khẳng định trẻ em tiếp thu ngoại ngữ tốt hơn người lớn, xét cả về phương diện sinh lý và góc độ giáo dục. Quá trình ghi dấu ấn vào đại não của trẻ có tính đàn hồi mạnh hơn người lớn: tiếp thu ngoại ngữ ở tuổi nhỏ để đạt trình độ không thua ngôn ngữ người bản xứ. Về sự nhận biết và tình cảm, tiếp thu ngôn ngữ một cách tự nhiên thì dễ thắm hơn và dễ biến thành ngôn ngữ của mình. Khi đã lớn, học ngoại ngữ người ta sẽ cảm thấy bị gò bó, bị áp lực, không tự nhiên như trẻ (Ngô Thị Tuyên, 2000, tr.50).

Có thể thấy, lợi thế *đầu tiên* nếu trẻ được tiếp cận sớm với ngoại ngữ là khả năng phát âm (pronunciation), ngữ điệu (intonation) giống người bản ngữ. Người lớn khi học ngoại ngữ thường để lại dấu ấn tiếng mẹ đẻ trong cách phát âm và dùng ngữ điệu. Đây là một lợi thế quan trọng cho trẻ mà chúng ta không nên bỏ lỡ.

Thứ hai, trẻ em còn có thể sử dụng các phương thức mang tính cá nhân và bẩm sinh mà trẻ vẫn dùng để tiếp thu tiếng mẹ đẻ vào việc thụ đắc ngoại ngữ một cách vô thức. Nhưng sau tuổi dậy thì, khả năng thu nạp ngôn ngữ một cách tự nhiên sẽ giảm dần và biến mất, và việc học ngoại ngữ trở nên vất vả. Ngôn ngữ luôn có những quy luật rất phức tạp. Tuy vậy, trẻ em có thể tự tìm ra các quy luật ấy và thử nghiệm chúng (dĩ nhiên các em sẽ mắc nhiều lỗi khi mới tập nói). Rõ ràng trong quá trình thụ đắc tiếng mẹ đẻ, cha mẹ rất ít khi sửa lỗi ngữ pháp của con, vậy mà trẻ

vẫn có thể nắm bắt các quy luật ngôn ngữ để giao tiếp một cách thuần thực.

Thứ ba, trong bối cảnh hiện nay, khả năng ngoại ngữ tốt sẽ mang lại nhiều cơ hội học tập và cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. Mức độ đầu tư của các gia đình và các bậc phụ huynh ở nước ta hiện nay cho học tập nói chung và ngoại ngữ nói riêng của con em mình đang ngày càng lớn và bắt đầu từ độ tuổi ngày càng nhỏ. Vì vậy, những đứa trẻ không được đầu tư sớm sẽ đánh mất nhiều cơ hội so với mặt bằng chung của các trẻ cùng lứa tuổi.

Ngoài ra, tiếp cận ngoại ngữ sớm còn có thể mang lại một số lợi thế khác: khả năng ngoại ngữ tốt sẽ ảnh hưởng tích cực đến khả năng nhận thức (mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy); trẻ giỏi ngoại ngữ có nhiều cơ hội để tiếp cận với nhiều nguồn tri thức, tạo điều kiện cho những môn học khác; khi trẻ thụ đắc ngôn ngữ thứ hai tốt như người bản ngữ thì trẻ cũng có khả năng thụ đắc ngôn ngữ thứ ba, thứ tư như vậy...

3. Phương pháp dạy ngoại ngữ hiệu quả cho trẻ

L. S. Vygotsky khẳng định, thực chất của sự phát triển ngôn ngữ ở trẻ là sự phát triển các phương pháp sử dụng ngôn ngữ và tư duy, nhằm mục đích giao tiếp và nhận thức. Ngay từ đầu, ngôn ngữ của trẻ đã mang tính giao tiếp, ông coi lời nói bên trong là kết quả hướng nội nhập tâm từ bên ngoài. Điều này giúp cho chúng ta ứng dụng vào việc dạy tiếng cho trẻ bằng cách *cần phải tăng cường cho trẻ đối thoại, giao tiếp với những người xung quanh* như thầy cô, bạn bè. Đây là yếu tố quyết định sự phát triển ngôn ngữ của trẻ (Вьготский, 1996).

Còn theo Colin Baker, có nhiều lý thuyết về quá trình thụ đắc ngôn ngữ

thứ hai. Trong đó, mô hình màn hình theo dõi của Krashen có những giả thiết liên quan đến thụ đắc ngoại ngữ cho trẻ em. Giả thiết thụ đắc-học tập của ông phân biệt thụ đắc và học tập, trong đó thụ đắc là quá trình tự nhiên không ý thức, và có khả năng dẫn đến lưu loát như người bản ngữ, còn học tập là quá trình có ý thức, có tổ chức, mà ngôn ngữ là mục đích chứ không phải là phương tiện, và không có khả năng đạt mức độ như người bản ngữ (Colin Baker, 2008, tr.199-202).

Theo đó, khi đã xác định cho trẻ tiếp cận sớm ngoại ngữ, phụ huynh cần xem xét đến việc học như thế nào để mang lại hiệu quả nhất. Trẻ em là đối tượng người học vô cùng đặc biệt, đòi hỏi ở giáo viên một số kỹ năng riêng cũng như cần sự phối hợp từ gia đình.

Trước khi bàn đến phương pháp dạy trẻ, chúng ta cần phân biệt khái niệm “học ngôn ngữ” (language learning) và “thụ đắc ngôn ngữ” (language acquisition). Ở trẻ, quy trình tiếp thu ngoại ngữ là quy trình cảm thụ/thụ đắc ngôn ngữ. Vì vậy phương pháp dạy trẻ học tiếng có nhiều điểm khác với các phương pháp dạy người lớn. Chúng tôi không bàn sâu vấn đề mang tính học thuật mà chỉ nêu những điểm cụ thể để phụ huynh có thể cùng hỗ trợ, tạo điều kiện cho trẻ thụ đắc tiếng Anh ở nhà.

Thứ nhất, giống như quá trình học tiếng mẹ đẻ, trẻ em khi học tiếng Anh cũng trải qua một “giai đoạn im lặng”, các em chỉ quan sát, lắng nghe, tự tích lũy, nhận thức rồi sau đó mới chịu “nói ra”. Phụ huynh *không nên nôn nóng* bắt trẻ lặp lại ngay, cũng đừng sốt ruột bắt con phải nói câu này câu kia bằng tiếng Anh là gì... Ngôn ngữ ban đầu chỉ cần một chiều, cho trẻ cơ hội, thời gian để “nhận biết ngôn ngữ” trước, sau một

thời gian nhất định (tùy tần suất tiếp xúc ngôn ngữ), trẻ bắt đầu nói những từ đơn giản, ví dụ *a pen, a hat*, sau đó sẽ là cụm từ (thường trẻ sẽ tự thêm vào yếu tố cá nhân) như *my new pen, a red hat...* dần dần trẻ sẽ hình thành những câu nói hoàn chỉnh như *That's my new pen, I want a red hat...*

Thứ hai, do đặc trưng tâm lý của trẻ, trẻ không thích học chính thức, mà thích chơi, vậy thì nên cho trẻ “chơi với ngoại ngữ”. Khi chơi, trẻ có thể trải nghiệm nhiều vai trò và ngôn ngữ sẽ được thực hiện tốt hơn; trẻ sẽ khám phá ngôn ngữ và lưu trữ trong trí nhớ tốt hơn là ngữ liệu mà giáo viên truyền đạt cho chúng; chơi cũng kích thích tính sáng tạo của trẻ và trẻ sẽ tự tin hơn. Lúc này vai trò của giáo viên chỉ nên là hỗ trợ trẻ, hướng dẫn chúng, làm mẫu, nhắc nhở và kích thích việc học của chúng.

Thứ ba, trẻ học tốt qua nhìn, nghe, bắt chước và tự mình tiến hành hoạt động. Do đó, một ngữ liệu phải được giới thiệu với sự hỗ trợ của tranh ảnh/vật thật hoặc bằng hình/bằng tiếng. Ở nhà, phụ huynh nên cho trẻ đọc truyện tranh bằng tiếng Anh (tranh phải to, đẹp, không cần chữ nhiều), xem phim hoạt hình bằng tiếng Anh, nghe nhạc thiếu nhi bằng tiếng Anh...

Thứ tư, trẻ cần môi trường học tập an toàn, thú vị: Không khí học tập càng nhẹ nhàng, thoải mái sẽ càng kích thích trẻ say mê học tập, học một cách tự giác. Ở nhà cũng như ở trường, trẻ cần cảm thấy “an toàn”, không áp lực, không lo sợ (sợ giáo viên, sợ trả bài, sợ mất mặt với bạn bè, sợ điểm thấp, sợ làm cha mẹ thất vọng...). Ở lớp, giáo viên phải tạo hoạt động vui nhộn, tiết học phải luôn sinh động, đồng thời ở nhà phụ huynh cũng khuyến khích, khen ngợi các em, nếu có điều kiện thì cùng học với trẻ, để

cho trẻ thấy rằng việc nói tiếng Anh là cần thiết, là có đồng minh. Bằng cách đó, hoạt động và ngôn ngữ của trẻ được đưa vào cuộc sống gia đình hàng ngày, và thái độ của trẻ trong việc học tiếng Anh cũng được tác động tích cực.

Ngoài ra, cần lưu ý thêm rằng trẻ còn có những đặc thù như:

- Trẻ rất hiếu động, vì thế không nên gò ép trẻ ngồi yên học nghiêm túc. Muốn trẻ học tốt cần tạo sự thu hút bằng các hoạt động hoặc cho trẻ hoạt động.

- Trẻ không tập trung được lâu, do đó muốn truyền cho trẻ một ngữ liệu nào đó cũng không nên kéo dài quá lâu. Phải thay đổi tình huống sử dụng, hoặc lồng yếu tố nào đó kích thích sự tò mò để các em khám phá. Ví dụ muốn giúp trẻ thực hành cấu trúc “*What do you have?*” ngoài việc hỏi trẻ câu này để trẻ liệt kê những vật mà trẻ có, trẻ biết, như “*I have a book/a toy/ a dog...*” phụ huynh còn có thể gợi cho trẻ hỏi ngược lại mình bằng cách giấu đồ chơi/thức ăn (*a kite/ a cake/ a yoyo...*) để trẻ phán đoán và tập hỏi.

- Trẻ cần yếu tố lặp lại để đoán từ, đoán cấu trúc. Đôi khi, với một ngữ liệu mới trẻ không hiểu hết nghĩa của các từ/cụm từ, nhưng thông qua hoạt động lặp đi lặp lại, trẻ phán đoán được cách dùng và ghi nhớ. Ví dụ, với cấu trúc “*I can see...*” giáo viên trên lớp không cần giải thích “see” là “nhìn thấy” (vì giáo viên nước ngoài không biết nói tiếng Việt), nhưng qua nhiều lần cho lớp thực hành mẫu đối thoại: - “*What can you see?*” - “*I can see birds/flowers/...*” trẻ liên tưởng được “see” là một hành động liên quan đến thị giác, dùng lại đúng, và còn sáng tạo khi biết ghép mẫu câu này với những từ đã học trước đó, như “*I can see teachers*”, “*I can see you*”...

Phương pháp dạy ngoại ngữ tiên tiến không cần trải qua giai đoạn suy nghĩ bằng tiếng mẹ đẻ rồi mới dịch qua tiếng Anh. Ví dụ khi giới thiệu cụm từ “*Fly a kite*” giáo viên đưa hình vẽ lên (tranh hoặc ảnh chụp thật) giới thiệu trực tiếp bằng tiếng Anh, không dịch qua tiếng Việt, nhưng trong đầu trẻ có sự liên tưởng và chắc chắn các em đều hiểu đó là hành động thả diều. Để cùng hợp tác sử dụng phương pháp này, thay vì phụ huynh hỏi con những câu như “quyển sách tiếng Anh gọi là gì con?” thì nên đưa quyển sách lên hỏi “*What is it?*” để trẻ trả lời “*It’s a book*”, hay chỉ cần trẻ nói được “a book” cũng đã là tốt; hoặc nếu phụ huynh muốn dạy cho con từ “điện thoại di động” không cần nói với nó “đây là cái điện thoại di động, tiếng Anh gọi là cell phone”, chỉ cần chỉ vào cái điện thoại di động và nói rằng “*It’s a cell phone*” hoặc tương tự chỉ vào vật thật hoặc tranh ảnh để giới thiệu *a dog, a cat, a table, a sofa...* tự động đứa trẻ sẽ liên tưởng trực tiếp khái niệm với cái vật chỉ (là cái điện thoại, con chó, con mèo,...) mà không cần thông qua từ tiếng Việt.

Việc chọn học với người bản xứ có thể tương đối khó khăn và đắt đỏ, nên thay vì thế có thể lựa chọn học với người nước ngoài nói tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (giáo viên đến từ Philippines, Singapore, Ấn Độ,...). Vì thứ nhất, họ không nói được tiếng Việt, học với họ, trẻ em được “tắm mình” trong tiếng Anh với tần suất tiếp xúc tối đa. Điều đó sẽ giúp trẻ tiến bộ rất nhanh. Thứ hai, họ thường năng động hơn các giáo viên tiếng Anh người Việt trong giao tiếp bằng tiếng Anh, họ không ngại hát, không ngại nhảy, không ngại pha trò. Hơn nữa họ có kinh nghiệm và thường là người có bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ tốt hơn không ít giáo viên người bản

ngữ. Nếu lựa chọn giáo viên người Việt, cần tìm những người đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hiểu biết tâm lý trẻ (nhiều giáo viên người Việt giỏi thường lựa chọn dạy ở các bậc học cao như đại học, cao đẳng..., ít khi lựa chọn dạy cho trẻ em, trong khi việc dạy trẻ em như việc xây nền móng lại rất cần những người thợ lành nghề!). Tuy nhiên, để có thể yên tâm về đội ngũ giáo viên, phụ huynh có thể chọn những cơ sở đào tạo ngoại ngữ có uy tín, những nơi việc tuyển chọn giáo viên được tiến hành một cách rất nghiêm túc.

Tóm lại, đối với vấn đề “thời điểm nào tốt nhất bắt đầu cho trẻ học ngoại ngữ”, câu trả lời vẫn là không có thời điểm cố định nào gọi là tốt nhất cho tất cả mọi đối tượng trẻ, tùy từng cá nhân trẻ, tùy hoàn cảnh của từng gia đình. Tuy nhiên, phần đông các quan điểm đều cho rằng trẻ học ngoại ngữ tốt hơn người lớn. Vì thế nên cho trẻ học càng sớm càng tốt nếu có điều kiện tốt. Trong trường hợp không có đủ điều kiện thì có thể cho trẻ bắt đầu ở 4-5 tuổi.

Việc học như thế nào là vấn đề hết sức quan trọng. Cần có một phương pháp dạy học phù hợp với trẻ, có sự kết hợp tốt giữa giáo viên và gia đình trong việc dạy trẻ để việc học của trẻ đạt hiệu quả cao nhất. Giáo dục con người phải vừa đáp ứng yêu cầu xã hội, vừa phát triển cao nhất tiềm năng của mỗi cá nhân. Để thực sự đạt được điều đó, cần có một phương pháp giảng dạy phát huy được tính tích cực của người học, cần “tập trung dạy cách học, cách nghĩ và tự học” (John Dewey, 2008). Việc dạy học ngoại ngữ cho trẻ cũng không nằm ngoài nguyên tắc chung đó. Khi đã lựa chọn được thời điểm phù hợp nhất cho trẻ tiếp cận ngoại ngữ, phụ huynh cần có những sự lựa chọn sáng suốt tiếp

theo để trẻ có được môi trường, điều kiện, phương pháp dạy học tốt nhất □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. J. Arthur & T. Cremin (2010), *Learning to teach in the primary school*, Routledge, USA and Canada.
2. C. Baker (Đình Lữ Giang dịch) (2008), *Những cơ sở của giáo dục song ngữ và vấn đề song ngữ*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Beverly A. Clark, *First and second language acquisition in early childhood*, <http://ecap.crc.illinois.edu/pubs/katzsym/clark-b.html>, accessed on 8 September, 2014.
4. J. Brewster, G. Ellis and D. Girard (2002), *The primary english teacher's guide*, Penguin, England.
5. Л.С. Выготский (1996), *Мышление и речь. Психологические исследования*, Издательство Лабириント, Москва (bản dịch).
6. L. Cameron (2005), *Teaching languages to young learners*, Cambridge University Press, Cambridge, UK.
7. J. Chavez (2006), *When is the best time to learn a foreign language?* <http://ezinearticles.com/?When-is-the-Best-Time-to-Learn-a-Foreign-Language?&id=496701>, truy cập ngày 8/9/2014.
8. J. Dewey (Phạm Anh Tuấn dịch) (2008), *Dân chủ và giáo dục*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
9. Rod Ellis (1994), *The study of second language acquisition*, Oxford University Press, UK.
10. Ngô Thị Tuyên (2000), *Nghiên cứu thao tác nắm mẫu lời nói tiếng nước ngoài ở học sinh tiểu học theo quan điểm công nghệ giáo dục*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Khoa học giáo dục.
11. William Littlewood (1984), *Foreign and second language learning: language acquisition research and its implications for the classroom* (Cambridge Language Teaching Library), Cambridge University Press, Cambridge, UK.